

Số: /TB-BNN-VP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

THÔNG BÁO

Kết luận của Thứ trưởng Lê Quốc Doanh tại Hội nghị Thúc đẩy phát triển sản xuất chè bền vững

Từ ngày 11 - 12/6/2020, Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với UBND tỉnh Thái Nguyên tổ chức Hội nghị “Thúc đẩy phát triển sản xuất chè bền vững”, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Lê Quốc Doanh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên Dương Văn Lượng và Chủ tịch Hiệp Hội Chè Việt Nam Nguyễn Hữu Tài đồng chủ trì hội nghị;

Tham dự Hội nghị có đại diện các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT: Cục Trồng trọt, Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản, Cục Bảo vệ thực vật, Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT, một số đơn vị thuộc Sở; đại diện Sở Công Thương, UBND một số huyện các tỉnh sản xuất chè chủ lực; đại diện Tổng cục Thống kê, Hiệp hội Chè Việt Nam và doanh nghiệp thành viên, Hội khoa học Chè Việt Nam, Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên, một số Viện nghiên cứu; đại diện cơ quan thông tấn báo chí trung ương và địa phương; các doanh nghiệp, HTX sản xuất chè tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi tham quan thực tế mô hình sản xuất, chế biến chè và nghe báo cáo của các Cục: Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản, Viện KHKTNLN miền núi phía Bắc, ý kiến tham luận của đại diện Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT, Hiệp hội Chè Việt Nam và các doanh nghiệp, hợp tác xã, Thứ trưởng Lê Quốc Doanh kết luận như sau:

1. Trong thời gian qua, cùng với sự phát triển chung, vượt bậc của ngành nông nghiệp Việt Nam, ngành chè đã có bước tiến đáng kể từ nhận thức của người sản xuất, cơ cấu giống mới, chất lượng, an toàn thực phẩm và công nghiệp chế biến, phát triển thị trường, nâng cao giá trị xuất khẩu, thu nhập cho người sản xuất và khả năng cạnh tranh, góp phần phát triển chè bền vững:

- Diện tích chè năm 2019 đạt khoảng 123 nghìn ha (lớn thứ 5 thế giới sau Trung Quốc, Ấn Độ, Kenya và Srilanka); năng suất trung bình đạt 94,8 tạ/ha (bình quân 2,3 tấn chè khô/ha/năm, cao nhất trong top 5 quốc gia sản xuất chè lớn nhất thế giới); sản lượng trên 1,02 triệu tấn;

- Đến năm 2019 khoảng 60% diện tích chè được trồng bằng các giống mới, tăng 45% so năm 2000, trong đó cơ cấu giống chè chất lượng khá và chất lượng cao ngày càng tăng;

- Nhiều địa phương quan tâm, phổ biến áp dụng tiến bộ kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất và chế biến, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất chè;

- Bên cạnh đó, Bộ Nông nghiệp và PTNT cũng đã tập trung chỉ đạo rà soát, loại bỏ nhiều loại thuốc BVTV chứa hoạt chất cấm; cùng sự vào cuộc mạnh mẽ của các địa phương đã cải thiện đáng kể về an toàn thực phẩm sản phẩm chè.

- Hình thành, phát triển được các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu; tiêu biểu như tại Thái Nguyên đã hình thành được 186 chuỗi liên kết sản xuất chè, gắn với phát triển du lịch sinh thái, văn hóa, góp phần quảng bá, tiêu thụ, nâng cao hiệu quả sản xuất chè;

- Đa dạng hóa sản phẩm chế biến; đẩy mạnh chế biến sâu; tăng tỷ lệ chế biến chè xanh, chè Ô long chất lượng và giá trị cao, phát triển các sản phẩm địa phương có thương hiệu gắn với Chương trình OCOP, giảm chế biến chè đen trong tông cơ cấu sản phẩm, nâng cao giá trị;

Các giải pháp đồng bộ trên góp phần cải thiện, nâng cao vị thế sản phẩm chè Việt Nam trên thị trường quốc tế. Khối lượng chè xuất khẩu năm 2019 đạt 136 nghìn tấn, giá trị 235 triệu USD, giá xuất khẩu bình quân ước đạt 1.730 USD/tấn; tăng 6,8% về khối lượng và tăng 13,5% về giá trị xuất khẩu, 6,2% về giá so với năm 2018.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đánh giá cao và biểu dương các cơ quan, đơn vị, địa phương trong cả nước, các doanh nghiệp, đặc biệt là nông dân sản xuất chè cần cù, năng động, sáng tạo trong sản xuất, nỗ lực thúc đẩy phát triển ngành chè Việt Nam.

2. Bên cạnh những chuyển biến và kết quả đạt được, sản xuất chè nước ta còn đứng trước khá nhiều hạn chế, thách thức:

- Quy mô sản xuất nhỏ; trình độ và năng lực đầu tư để sản xuất ra sản phẩm chất lượng cao của người dân còn hạn chế; năng suất chè bình quân của hộ dân nhìn chung còn chưa cao so năng suất chè của các doanh nghiệp; đòi hỏi cần tập trung xây dựng, phát triển các hình thức liên kết chuỗi giá trị sản xuất chè an toàn, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất;

- Công tác tổ chức, chỉ đạo sản xuất, đầu tư thâm canh nâng cao năng suất, giá trị sản phẩm chè giữa các địa phương còn chưa đồng đều; chưa gắn cơ cấu giống với sản phẩm chế biến để nâng cao giá trị gia tăng;

- Công nghiệp chế biến chè đã có sự chuyển dịch theo hướng tăng cơ cấu chè xanh, giảm chè đen; tuy nhiên tỷ lệ chế biến sâu như sản phẩm chè xanh chất lượng, chè Ô long, chè matcha, chè túi lọc giá trị cao còn hạn chế;

- Giá trị gia tăng sản xuất chè từ các hoạt động lồng ghép gắn kết dịch vụ quảng bá lịch sử, văn hóa, du lịch mới ở bước đầu, phạm vi quy mô nhỏ.

3. Về định hướng phát triển chè trong thời gian tới

- Đến năm 2030: ổn định diện tích trồng chè cả nước khoảng 130 nghìn ha, khai thác lợi thế điều kiện khí hậu, đất đai và kỹ năng của người làm chè, để nâng cao chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng;

- Tập trung cải thiện cơ cấu giống, nâng tỷ lệ chè giống mới lên trên 70%, trong đó chè chất lượng cao 20 - 25% tổng diện tích chè cả nước;

- Tăng cường mở rộng, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chè an toàn chất lượng cao;

- Đầu tư cải tiến công nghệ, thiết bị hiện đại, theo hướng tăng cường chế biến sâu, đa dạng hóa các sản phẩm chè; tăng tỷ lệ chế biến chè xanh, chè Ô long, chè matcha, chè túi lọc, chú trọng phát triển các sản phẩm địa phương có thương hiệu, lợi thế phù hợp thị trường;

- Phân đấu giá trị xuất khẩu chè đạt 400 triệu USD năm 2030.

4. Tổ chức thực hiện

a) Cục Trồng trọt:

- Chủ trì, phối hợp Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp, các địa phương, đơn vị rà soát, đề xuất Bộ xây dựng Đề án phát triển chè bền vững trong năm 2020;

- Chỉ đạo triển khai phát triển các giống chè mới, phù hợp trong Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030.

b) Cục Bảo vệ thực vật:

- Tiếp tục rà soát, đề xuất các loại thuốc BVTV chứa hoạt chất nguy hại cần loại bỏ, cấm sử dụng trong sản xuất chè; Phối hợp với Hiệp hội chè, tổ chức IDH đẩy mạnh triển khai, phổ biến chương trình IPM trong sản xuất chè hiệu quả, bền vững.

c) Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản: Tiếp tục phối hợp các địa phương, đơn vị đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ các sản phẩm chè.

d) Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia: Tiếp tục ưu tiên các dự án khuyến nông cho cây chè, chú trọng xây dựng các mô hình giống mới, thâm canh, an toàn thực phẩm gắn với xây dựng liên kết chuỗi giá trị sản xuất, chế biến chè chất lượng, an toàn, giá trị cao.

đ) Các Viện nghiên cứu: Đề xuất, phối hợp tham gia thực hiện các dự án, nội dung nghiên cứu chọn tạo phát triển giống, thâm canh, chế biến sản phẩm chè chất lượng, an toàn, giá trị cao.

e) Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố:

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình, giải pháp, chính sách hỗ trợ và huy động nguồn lực thực hiện phát triển chè chất lượng, an toàn trên địa bàn;
- Tăng cường công tác quản lý chất lượng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất chè trên địa bàn.
- Kịp thời tháo gỡ khó khăn, đề xuất những giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả kế hoạch sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè an toàn.

g) Hiệp hội Chè Việt Nam và các doanh nghiệp sản xuất chè:

- Tham gia, phối hợp Cục Trồng trọt xây dựng Đề án phát triển chè bền vững; tiếp tục đẩy mạnh quảng bá thương hiệu chè Việt Nam; có cơ chế động viên, vận động các đơn vị thành viên đăng ký xây dựng liên kết sản xuất, chế biến nâng cao chất lượng và an toàn thực phẩm chè, đảm bảo uy tín của thương hiệu chè Việt Nam trên thị trường.
- Các doanh nghiệp sản xuất chè tích cực đổi mới công nghệ thiết bị, đa dạng hoá sản phẩm chế biến; chủ đạo trong ứng dụng TBKT về giống, kỹ thuật canh tác, cơ giới hoá sản xuất và chế biến chè an toàn, xúc tiến thương mại, tăng giá trị và hiệu quả sản xuất.

Bộ Nông nghiệp và PTNT thông báo đề các cơ quan, đơn vị và địa phương biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Quốc Doanh (để b/c);
- UBND các tỉnh sản xuất chè;
- Sở NN&PTNT các tỉnh sản xuất chè;
- Hiệp hội Chè Việt Nam;
- Hội Khoa học Chè Việt Nam;
- Các Cục: TT, BVTV, CB&PTTNS;
- Vụ KHCN&MT;
- Trung tâm KNQG;
- Các Viện: KHNNVN, KHKTNLNMNPB, QH&TKNN;
- Lưu: VT, VP (TTC).

**TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Lê Văn Thành